

Số: 116/2025/TT-BTC

Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2025

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện cơ chế tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước; Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh.

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bộ Tài chính, Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2025/NĐ-CP.

Căn cứ Nghị định số 233/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế.

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Các định chế tài chính,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện cơ chế tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn thực hiện một số nội dung về chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; chế độ báo cáo và việc lập báo cáo quyết toán theo quy định tại khoản 6 Điều 4, khoản 4 Điều 11, khoản 1 Điều 13, Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20, khoản 6 Điều 24 và điểm b khoản 1 Điều 28 của Nghị định số 233/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo

hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế (sau đây gọi là Nghị định số 233/2025/NĐ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan bảo hiểm xã hội: Bảo hiểm xã hội Việt Nam; các đơn vị trực thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh), Bảo hiểm xã hội cơ sở thuộc Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh (Bảo hiểm xã hội cơ sở).

2. Cơ quan, tổ chức thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thực hiện bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế (sau đây gọi là Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân).

3. Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, cơ quan, tổ chức bảo hiểm thất nghiệp trực thuộc Bộ Nội vụ được giao thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Luật Việc làm (sau đây gọi là tổ chức bảo hiểm thất nghiệp); Cơ quan, tổ chức thuộc ngành Nội vụ thực hiện nhiệm vụ liên quan đến chính sách bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và các nhiệm vụ liên quan đến quản lý, sử dụng quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (sau đây gọi là tổ chức thuộc ngành Nội vụ).

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến tổ chức thực hiện Thông tư này.

Chương II

MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ PHÂN CẤP QUẢN LÝ TÀI CHÍNH, TÀI SẢN; CHI TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG VÀ SỬ DỤNG KINH PHÍ TIẾT KIỆM

Mục 1

ĐỐI VỚI CƠ QUAN BẢO HIỂM XÃ HỘI

Điều 3. Chi tổ chức và hoạt động

1. Cơ quan bảo hiểm xã hội tuân thủ quy định về nội dung chi và mức chi tổ chức và hoạt động quy định tại Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 19 và Điều 20 Nghị định số 233/2025/NĐ-CP. Một số nội dung chi tổ chức và hoạt động thực hiện như sau:

a) Chi thực hiện xác minh thông tin người hưởng đủ điều kiện hưởng chế độ bảo hiểm xã hội qua tài khoản cá nhân theo quy định tại khoản 7 Điều 19 Nghị định số 233/2025/NĐ-CP: Nội dung chi, mức chi thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều

tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia. Mức chi tối đa không quá 30.000 đồng/người hưởng.

b) Chi hỗ trợ cho công chức, viên chức, người lao động ảnh hưởng khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy theo quy định tại điểm 2 Điều 13 Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, Điều 3 Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và điểm m khoản 1 Điều 20 Nghị định số 233/2025/NĐ-CP: Nội dung chi bao gồm hỗ trợ tiền ăn ở, đi lại cho công chức, viên chức, người lao động của cơ quan bảo hiểm xã hội khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế phải thay đổi trụ sở làm việc hoặc phải thuê chỗ ở mới từ địa bàn này sang địa bàn khác. Thời gian hỗ trợ từ ngày 01 tháng 07 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026, mức hỗ trợ tối đa không quá 5.000.000 đồng/người/tháng. Đối tượng hỗ trợ, phương thức hỗ trợ và mức hỗ trợ cụ thể được xác định tại quy chế chi tiêu nội bộ của Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Bảo hiểm xã hội Việt Nam có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định, phù hợp với thực tế và khả năng cân đối nguồn kinh phí.

2. Kết thúc năm tài chính, Bảo hiểm xã hội Việt Nam hạch toán kế toán chi tổ chức và hoạt động theo từng quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ bảo hiểm thất nghiệp, quỹ bảo hiểm y tế căn cứ tỷ lệ số thu, chi chế độ của từng quỹ trên tổng số thu, chi chế độ các quỹ trong năm.

Điều 4. Phân cấp quản lý tài chính, tài sản

1. Việc mở và quản lý tài khoản tiền gửi không kỳ hạn tuân thủ quy định tại Điều 4 Nghị định số 233/2025/NĐ-CP:

a) Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam quyết định, chịu trách nhiệm về việc lựa chọn danh sách ngân hàng mở tài khoản tiền gửi không kỳ hạn của Bảo hiểm xã hội Việt Nam và các đơn vị trực thuộc.

b) Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam quyết định phân cấp việc mở và quản lý tài khoản tiền gửi không kỳ hạn của cơ quan bảo hiểm xã hội cấp tỉnh, cấp cơ sở.

2. Việc chuyển kinh phí định kỳ chi trả chế độ từ quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ bảo hiểm thất nghiệp cho Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 9 Nghị định số 233/2025/NĐ-CP. Trường hợp số dự kiến chi chế độ tăng so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao, sau khi Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân có văn bản đề nghị, Bảo hiểm xã hội Việt Nam chuyển kinh phí để chi trả, quyết toán số chi theo quy định của pháp luật bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, báo cáo kết quả thực hiện cho Hội đồng quản lý Bảo hiểm

xã hội tại kỳ họp gần nhất và báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ theo quy định tại khoản 4 Điều 10 Nghị định số 233/2025/NĐ-CP.

3. Việc ký hợp đồng ủy quyền với tổ chức phát triển đối tượng và tổ chức hỗ trợ chi trả chế độ thực hiện theo quy định tại khoản 5, 6 và 7 Điều 19 Nghị định số 233/2025/NĐ-CP.

a) Hợp đồng phải quy định cụ thể về nội dung, phạm vi công việc của tổ chức phát triển đối tượng và tổ chức hỗ trợ chi trả chế độ để thực hiện các nhiệm vụ về thu, chi, phát triển đối tượng, xác minh thông tin, quản lý người hưởng và việc xử lý đối với các rủi ro phát sinh.

b) Trước ngày 25 hằng tháng, Bảo hiểm xã hội Việt Nam có trách nhiệm xác nhận khối lượng công việc thực hiện của tháng để làm cơ sở thanh toán; trường hợp phát sinh tăng khối lượng công việc thực hiện và đáp ứng đầy đủ điều kiện thanh toán theo quy định, Bảo hiểm xã hội Việt Nam thanh toán bổ sung (nếu có) và hạch toán vào chi phí của tháng thực hiện thanh toán bổ sung.

4. Việc đầu tư, nâng cấp, cải tạo, mở rộng, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản, thuê, mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ thực hiện theo quy định tại Điều 18, Điều 21 Nghị định số 233/2025/NĐ-CP. Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam thực hiện phân cấp trong hoạt động đầu tư, nâng cấp, cải tạo, mở rộng, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản, thuê, mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ, quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin như sau:

a) Đối với chi đầu tư phát triển: Quyết định kế hoạch đầu tư trung hạn, hằng năm từ nguồn thu hợp pháp dành để đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công và dự toán hàng năm được Thủ tướng Chính phủ giao; Quyết định chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, quyết định việc dừng chủ trương đầu tư từ dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công từ nguồn thu hợp pháp dành để đầu tư; Quyết định đầu tư, điều chỉnh, quyết định đầu tư và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành đối với dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công; Quyết định phân bổ, điều chỉnh, giao chi tiết danh mục, mức vốn bố trí của từng dự án, kế hoạch đầu tư trung hạn cho các đơn vị thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam theo kế hoạch đầu tư công đã được phê duyệt; Quyết định phân bổ, điều chỉnh, giao chi tiết danh mục, mức vốn bố trí của từng dự án, kế hoạch đầu tư hằng năm từ nguồn thu hợp pháp dành để đầu tư cho các đơn vị thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam theo dự toán hằng năm được Thủ tướng Chính phủ giao; Quyết định phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư đối với các dự án đầu tư không có cấu phần xây dựng.

b) Đối với chi nâng cấp, cải tạo, mở rộng, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản, thuê, mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ từ nguồn chi tổ chức và hoạt động và

quỹ phát triển hoạt động: Quyết định mua sắm tập trung đối với tài sản, hàng hóa, dịch vụ không thuộc danh mục mua sắm tập trung nhưng nhiều đơn vị trực thuộc có nhu cầu mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ cùng loại; Quyết định phê duyệt, điều chỉnh nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng có tổng dự toán kinh phí thực hiện không quá 20 tỷ đồng/nhiệm vụ; Quyết định phê duyệt, điều chỉnh nhiệm vụ, dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị và thuê tài sản, hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động của cơ quan bảo hiểm xã hội có tổng dự toán kinh phí thực hiện dưới 45 tỷ đồng/nhiệm vụ; Quyết định đầu tư, điều chỉnh quyết định đầu tư và phê duyệt, điều chỉnh quyết toán dự án hoàn thành.

c) Đối với chi ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế: Quyết định đầu tư, điều chỉnh quyết định đầu tư và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành đối với dự án nhóm B, nhóm C; Quyết định phê duyệt, điều chỉnh nhiệm vụ và dự toán kinh phí mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và kinh phí thực hiện nhiệm vụ thuê hàng hóa, dịch vụ công nghệ thông tin và đầu tư dự án ứng dụng công nghệ thông tin có dự toán dưới 500 tỷ đồng/nhiệm vụ; Quyết định phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin có dự toán thuê dưới 500 tỷ đồng; Quyết định phê duyệt, điều chỉnh mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ công nghệ thông tin có tổng mức dự toán dưới 500 tỷ đồng; Quyết định phân bổ chi tiết dự toán (gồm giao đầu năm và điều chỉnh, bổ sung trong năm) chi ứng dụng công nghệ thông tin cho các đơn vị thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam phù hợp với dự toán được Thủ tướng Chính phủ giao; Quyết định điều chỉnh dự toán giữa các nhiệm vụ, dự án thuộc danh mục đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng không được vượt quá dự toán đã được Thủ tướng Chính phủ giao; Quyết định và chịu trách nhiệm về việc áp dụng không phải lập dự án, không phải lập kế hoạch thuê dịch vụ theo yêu cầu riêng đối với hoạt động xây dựng, nâng cấp, mở rộng hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu thuộc nhiệm vụ có yêu cầu cấp bách phải thực hiện ngay theo chỉ đạo tại Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định, Chỉ thị, văn bản thông báo ý kiến của lãnh đạo Chính phủ theo quy định của pháp luật.

d) Đối với quản lý, sử dụng tài sản: Quyết định hoặc phân cấp quyết định việc mua sắm, sửa chữa, thuê, thuê mua, quản lý, sử dụng, khai thác, xử lý tài sản, xử lý vật tư, vật liệu thu hồi được trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản, xử lý vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công đối với cơ quan nhà nước và pháp

luật có liên quan (không bao gồm hình thức điều chuyển tài sản ra ngoài cơ quan bảo hiểm xã hội và hình thức chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý); Lập, điều chỉnh phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất và chủ trì kiểm tra hiện trạng nhà, đất thuộc phạm vi quản lý theo quy định về việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công là nhà, đất; Quyết định mức khoán kinh phí sử dụng nhà ở công vụ, đối tượng, mức khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị đối với các đối tượng theo quy định; Quyết định tiêu chuẩn, định mức đối với máy móc, thiết bị chuyên dùng, diện tích chuyên dùng, diện tích công trình sự nghiệp; Quyết định chế độ, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật bảo dưỡng, sửa chữa hoặc định mức chi bảo dưỡng, sửa chữa tài sản; Quyết định điều chỉnh mức giá máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh và máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung trong trường hợp điều chỉnh mức giá cao hơn từ trên 15% đến không quá 30% so với mức giá theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị; Quyết định bổ sung số lượng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh, máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung trang bị tại phòng làm việc hoặc bổ sung các loại máy móc, thiết bị khác để phục vụ Chính phủ điện tử, số hóa, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhiệm vụ được giao; Quyết định việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô cho các đối tượng được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung, phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung theo quy định; Phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án và tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án (đối với dự án không xác định cụ thể đối tượng thụ hưởng; không bao gồm hình thức điều chuyển tài sản ra ngoài các đơn vị thuộc phạm vi quản lý).

5. Số liệu tổng hợp về hoạt động đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin và quản lý, sử dụng tài sản của Bảo hiểm xã hội Việt Nam được tổng hợp trong báo cáo định kỳ của Bộ Tài chính theo quy định pháp luật về ứng dụng công nghệ thông tin và pháp luật về quản lý tài sản công.

6. Căn cứ quy định tại Điều này, Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam quyết định theo thẩm quyền hoặc quyết định việc phân cấp trong hoạt động mở, quản lý tài khoản, quản lý đầu tư xây dựng, ứng dụng công nghệ thông tin và quản lý, sử dụng tài sản để thực hiện thống nhất trong hệ thống.

Điều 5. Sử dụng quỹ bổ sung thu nhập

1. Việc sử dụng quỹ bổ sung thu nhập theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 233/2025/NĐ-CP được thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

2. Hằng tháng, cơ quan bảo hiểm xã hội chi bổ sung thu nhập cho công chức, viên chức và người lao động theo quy chế chi tiêu nội bộ nhưng tối đa

không quá 60% quỹ tiền lương theo ngạch bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp (phụ cấp công vụ, phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung và phụ cấp khác đối với công chức) của tháng trước liền kề.

3. Kết thúc năm tài chính, cơ quan bảo hiểm xã hội xác định số kinh phí tiết kiệm chi tổ chức và hoạt động và phần dành trích lập quỹ bổ sung thu nhập theo quy chế chi tiêu nội bộ để thanh toán, chi bổ sung thu nhập cho công chức, viên chức và người lao động theo nguyên tắc:

a) Trường hợp số được trích lập quỹ bổ sung thu nhập của đơn vị theo quy định lớn hơn số đã chi theo quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan bảo hiểm xã hội tiếp tục chi bổ sung thu nhập cho công chức, viên chức và người lao động theo quy chế chi tiêu nội bộ, đảm bảo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 233/2025/NĐ-CP.

b) Trường hợp số được trích lập quỹ bổ sung thu nhập của đơn vị theo quy định nhỏ hơn số đã chi theo quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan bảo hiểm xã hội sử dụng khoản dự phòng chi bổ sung thu nhập theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 233/2025/NĐ-CP để bù đắp; nếu còn thiếu thì trừ vào số được trích lập quỹ bổ sung thu nhập của năm sau.

4. Sau khi quyết toán năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Bảo hiểm xã hội Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn các đơn vị thực hiện điều chỉnh quyết toán khoản chi từ quỹ bổ sung thu nhập theo số liệu quyết toán được phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền (nếu có chênh lệch).

Điều 6. Sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi

1. Việc chi khen thưởng, phúc lợi từ quỹ khen thưởng, phúc lợi theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Nghị định số 233/2025/NĐ-CP được thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

2. Trong năm, cơ quan bảo hiểm xã hội thực hiện chi đối với các hoạt động phúc lợi, trợ cấp khó khăn, chi khen thưởng định kỳ hoặc đột xuất cho tập thể, cá nhân trong và ngoài cơ quan bảo hiểm xã hội theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

3. Kết thúc năm tài chính, cơ quan bảo hiểm xã hội xác định số kinh phí tiết kiệm chi tổ chức và hoạt động và phần được trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi của đơn vị theo quy định để thực hiện theo nguyên tắc:

a) Trường hợp số được trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi của đơn vị theo quy định cao hơn số đã chi quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan bảo hiểm xã hội tiếp tục trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và chi khen thưởng, phúc lợi theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

b) Trường hợp số được trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi của đơn vị theo quy định thấp hơn số đã chi quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan bảo hiểm xã hội trừ vào số được trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi của năm sau.

4. Sau khi quyết toán năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Bảo hiểm xã hội Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn các đơn vị thực hiện điều chỉnh quyết toán khoản chi từ quỹ khen thưởng, phúc lợi theo số liệu quyết toán được phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền (nếu có chênh lệch).

Điều 7. Quy chế chi tiêu nội bộ

1. Căn cứ quy định tại Nghị định số 233/2025/NĐ-CP và Thông tư này, Bảo hiểm xã hội Việt Nam xây dựng và ban hành quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan bảo hiểm xã hội theo tiêu chuẩn, định mức, chế độ do Nhà nước quy định để tổ chức thực hiện. Quy chế chi tiêu nội bộ phải bao gồm chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi, khoán kinh phí cho từng cá nhân, đơn vị trực thuộc; trình tự, mức trích, phân bổ và quản lý, sử dụng quỹ phát triển hoạt động, quỹ bổ sung thu nhập, quỹ khen thưởng, phúc lợi, phù hợp với chế độ tài chính hiện hành, nguồn tài chính được sử dụng và hoạt động của đơn vị, bảo đảm không trùng lặp về các nội dung chi, trong đó:

a) Đối với những nội dung chi đã có chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, mức chi không vượt quá mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

b) Đối với những nội dung chi, mức chi cần thiết cho hoạt động của đơn vị nhưng chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định về mức chi, căn cứ tình hình thực tế và nguồn tài chính, Bảo hiểm xã hội Việt Nam xây dựng mức chi cho từng nhiệm vụ, nội dung công việc cho phù hợp và quy định tại Quy chế chi tiêu nội bộ.

c) Đối với việc xác định kinh phí tiết kiệm để trích lập các quỹ và sử dụng các quỹ theo quy định tại Điều 23, Điều 24 Nghị định số 233/2025/NĐ-CP, Bảo hiểm xã hội Việt Nam xác định các định mức chi sử dụng từ nguồn quỹ theo quy định tại Thông tư này. Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam quyết định việc phân phối, sử dụng quỹ phát triển hoạt động, quỹ bổ sung thu nhập, quỹ khen thưởng, phúc lợi giữa các cơ quan bảo hiểm xã hội.

2. Trước khi ban hành, Quy chế chi tiêu nội bộ phải được lấy ý kiến, tổ chức thảo luận rộng rãi, dân chủ, công khai trong đơn vị và lấy ý kiến Bộ Tài chính. Sau khi ban hành, Bảo hiểm xã hội Việt Nam công khai Quy chế chi tiêu nội bộ trong đơn vị để áp dụng và theo dõi, giám sát việc thực hiện.

Mục 2

ĐỐI VỚI BẢO HIỂM XÃ HỘI QUÂN ĐỘI, BẢO HIỂM XÃ HỘI CÔNG AN NHÂN DÂN, TỔ CHỨC BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP, TỔ CHỨC THUỘC NGÀNH NỘI VỤ

Điều 8. Chi tổ chức và hoạt động của Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân

1. Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân thực hiện các nội dung chi và mức chi tuyên truyền, phổ biến, giải đáp, tư vấn chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; chi cải cách hành chính; phát triển, quản lý người tham gia, người thụ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; chi tổ chức thu, chi trả bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; chi nâng cấp, cải tạo, mở rộng, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản, thuê, mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ, chi ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; chi hoạt động bộ máy thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 14, Điều 16, Điều 17, khoản 2, khoản 3 Điều 18, Điều 19, và điểm d, h, k, m khoản 1 Điều 20 Nghị định số 233/2025/NĐ-CP.

2. Chi phí thu bảo hiểm xã hội tự nguyện; thu bảo hiểm y tế của học sinh, sinh viên hệ dân sự đang theo học tại cơ sở giáo dục do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý: Mức chi tối đa bằng 7,5% số tiền đóng của người tham gia (không bao gồm số thu do ngân sách nhà nước, tổ chức, cá nhân hỗ trợ), trong đó: mức chi thù lao bình quân cho tổ chức hỗ trợ phát triển đối tượng bảo hiểm xã hội tự nguyện tối đa bằng 14% số tiền đóng của người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện; mức chi thù lao bình quân cho cơ sở giáo dục tối đa bằng 2,5% số tiền đóng của học sinh, sinh viên; mức chi thù lao bình quân cho tổ chức hỗ trợ phát triển bảo hiểm y tế của các đối tượng còn lại tối đa bằng 7,0% số tiền đóng bảo hiểm y tế của người tham gia. Chi phí thu còn lại sau khi chi thù lao cho tổ chức hỗ trợ phát triển đối tượng, cơ sở giáo dục, được để lại cho Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân sử dụng theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 19 Nghị định số 233/2025/NĐ-CP.

3. Chi phí chi trả các chế độ bảo hiểm xã hội bằng 0,54% số tiền chi trả các chế độ bảo hiểm xã hội (trừ các khoản chi: phí khám giám định; dưỡng sức, phục hồi sức khỏe; hỗ trợ phòng ngừa, chia sẻ rủi ro về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp cho người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp khi trở lại làm việc; đóng bảo hiểm y tế); trong đó mức chi cho tổ chức hỗ trợ chi trả tối đa không quá 70% tổng số chi phí chi trả. Chi phí chi trả

còn lại dùng để phục vụ việc chi trả, xác minh thông tin người hưởng theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 19 Nghị định số 233/2025/NĐ-CP.

4. Chi hỗ trợ các đơn vị đầu mối thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an trong việc phối hợp chỉ đạo và tổ chức thực hiện chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an:

a) Mức chi hỗ trợ cụ thể hằng năm do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quyết định trong phạm vi nguồn kinh phí được sử dụng.

b) Các đơn vị đầu mối được hỗ trợ kinh phí phải quản lý và sử dụng kinh phí theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành; kết thúc năm tài chính, có trách nhiệm quyết toán với Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân; chứng từ chi tiêu được lưu tại đơn vị sử dụng kinh phí.

5. Chi nâng cấp, cải tạo, mở rộng, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản, thuê, mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ phục vụ công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế trong Bộ Quốc phòng và Bộ Công an thực hiện theo quy định về việc lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị và quy định của pháp luật có liên quan.

6. Chi hoạt động bộ máy của Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân được đảm bảo từ nguồn chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế:

a) Thực hiện theo các nội dung chi quy định tại điểm d, h, k và m khoản 1 Điều 20 Nghị định số 233/2025/NĐ-CP.

b) Đối với chi phí thuê mướn; chi phí thực hiện hợp đồng thuê khoán công việc hoặc hợp đồng lao động, thực hiện theo quy định của pháp luật về lao động đối với những công việc không cần thiết bố trí biên chế thường xuyên.

c) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

7. Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân có trách nhiệm xây dựng, ban hành quy chế chi tiêu nội bộ theo hướng dẫn của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an để tổ chức thực hiện căn cứ nội dung, mức chi quy định tại Điều này và chế độ chi hiện hành phù hợp với hoạt động của đơn vị, bảo đảm không trùng lặp về các nội dung chi.

Điều 9. Sử dụng quỹ bổ sung thu nhập, quỹ khen thưởng, phúc lợi của Bảo hiểm xã hội Quân đội

1. Trường hợp Bảo hiểm xã hội Quân đội xác định và sử dụng kinh phí tiết kiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 23 và Điều 24 Nghị định số 233/2025/NĐ-CP thì việc chi bổ sung thu nhập, chi khen thưởng, phúc lợi thực hiện theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Thông tư này; trong đó quỹ tiền lương tính theo cấp bậc quân hàm,

ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp (trừ phụ cấp làm đêm, làm thêm giờ) của cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng công tác trong đơn vị.

2. Việc trích lập và sử dụng quỹ bổ sung thu nhập, quỹ khen thưởng, phúc lợi theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được quy định cụ thể tại Quy chế chi tiêu nội bộ của Bảo hiểm xã hội Quân đội được ban hành theo quy định tại khoản 7 Điều 8 Thông tư này.

Điều 10. Chi tổ chức và hoạt động của tổ chức bảo hiểm thất nghiệp, tổ chức thuộc ngành Nội vụ

1. Tổ chức bảo hiểm thất nghiệp, tổ chức thuộc ngành Nội vụ thực hiện các nội dung chi và mức chi tuyên truyền, phổ biến, giải đáp, tư vấn chính sách, pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; chi cải cách hành chính; quản lý người tham gia, người thụ hưởng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 16, Điều 17, khoản 4, 9, 10, và 11 Điều 19 Nghị định số 233/2025/NĐ-CP. Một số nội dung chi tổ chức và hoạt động thực hiện như sau:

a) Chi hỗ trợ cơ quan Nội vụ, cơ quan có liên quan trong giải quyết chế độ bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, kiểm tra và các nhiệm vụ liên quan về bảo hiểm thất nghiệp (bao gồm cả việc tổng hợp, tiếp nhận, thẩm định hồ sơ hoạt động hỗ trợ phòng ngừa, chia sẻ rủi ro về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp). Mức hỗ trợ cụ thể do thủ trưởng đơn vị quyết định trong phạm vi nguồn chi tổ chức và hoạt động được sử dụng và quy chế chi tiêu nội bộ.

b) Đối với công chức, viên chức và người lao động thường xuyên phải đi kiểm tra, xác minh hồ sơ đối tượng hưởng bảo hiểm thất nghiệp, hưởng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp tại khu dân cư mà tự túc bằng phương tiện cá nhân và không thuộc phạm vi thanh toán chế độ công tác phí theo quy định, thì được hỗ trợ theo phương thức khoán tiền tự túc phương tiện (gồm tiền nhiên liệu, khấu hao xe và chi phí gửi xe) tối đa không quá 01 lần mức lương cơ sở/người/tháng. Mức khoán cụ thể do thủ trưởng đơn vị quyết định trong phạm vi nguồn chi tổ chức và hoạt động được sử dụng và phải quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ.

c) Chi hoạt động phối hợp kiểm tra, giám sát việc giải quyết chế độ bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và các nhiệm vụ liên quan về bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp: Hỗ trợ công tác phối hợp chỉ đạo, chế độ công tác phí, làm đêm, thêm giờ, chi phí xăng xe hoặc thuê phương tiện phục vụ công tác kiểm tra, giám sát. Mức chi

thực hiện theo quy định của pháp luật về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

d) Chi tổ chức phiên giao dịch việc làm, hội chợ việc làm và các hoạt động có liên quan phục vụ công tác phát triển người tham gia, quản lý người hưởng thực hiện theo quy định của pháp luật về chế độ công tác phí, chế độ hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Chi nâng cấp, cải tạo, mở rộng, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản, thuê, mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ và chi ứng dụng công nghệ thông tin thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 18 Nghị định số 233/2025/NĐ-CP.

3. Chi hoạt động bộ máy của tổ chức bảo hiểm thất nghiệp, tổ chức thuộc ngành Nội vụ:

a) Thực hiện theo các nội dung chi quy định tại điểm a, b, c, d, e, g, h, và l khoản 1 Điều 20 Nghị định số 233/2025/NĐ-CP. Mức chi đối với các nội dung chi thường xuyên hoạt động bộ máy của tổ chức bảo hiểm thất nghiệp, tổ chức thuộc ngành Nội vụ thực hiện theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

b) Chi học tập, trao đổi kinh nghiệm ở nước ngoài và đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam về thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp do cấp có thẩm quyền quyết định: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định của pháp luật về chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí, chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước.

c) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

Chương III

LẬP BÁO CÁO QUYẾT TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ VỀ TÀI CHÍNH BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP, BẢO HIỂM Y TẾ

Điều 11. Lập báo cáo quyết toán hằng năm thu, chi các quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ bảo hiểm thất nghiệp, quỹ bảo hiểm y tế; chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế

1. Các đơn vị trực thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân, và các tổ chức bảo hiểm thất nghiệp, tổ chức thuộc ngành Nội vụ lập và gửi Bảo hiểm xã hội Việt Nam báo cáo quyết toán các quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ bảo hiểm thất nghiệp, quỹ bảo hiểm y tế và báo cáo quyết toán chi tổ chức và hoạt động theo các mẫu biểu quy

định tại khoản 3, 4, và 6 Điều này và các tài liệu thuyết minh chi tiết theo đề nghị của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

2. Trên cơ sở tổng hợp các báo cáo quyết toán của các đơn vị trực thuộc, Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân, và các tổ chức bảo hiểm thất nghiệp, tổ chức thuộc ngành Nội vụ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Bảo hiểm xã hội Việt Nam lập báo cáo quyết toán các quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ bảo hiểm thất nghiệp, quỹ bảo hiểm y tế và báo cáo quyết toán chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Nghị định số 233/2025/NĐ-CP.

3. Mẫu biểu báo cáo quyết toán các quỹ bảo hiểm thực hiện theo Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này. Trên cơ sở mẫu biểu quy định tại Phụ lục này, Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân cung cấp số liệu phù hợp với đặc thù hoạt động quân sự, bảo đảm thực hiện đúng quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

4. Mẫu biểu báo cáo quyết toán chi tổ chức và hoạt động được áp dụng theo đơn vị có phát sinh kinh phí hoạt động nghiệp vụ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp, trong đó nguồn vốn chi tổ chức và hoạt động được phản ánh vào chỉ tiêu kinh phí được giao tự chủ và Mẫu số 06 Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Đối với nguồn kinh phí chi chế độ bảo hiểm xã hội do ngân sách nhà nước bảo đảm, việc lập báo cáo quyết toán thực hiện theo quy định pháp luật về quyết toán ngân sách nhà nước.

6. Ngoài việc lập báo cáo quyết toán theo quy định tại khoản 2 Điều này, Bảo hiểm xã hội Việt Nam lập báo cáo tổng hợp các khoản kinh phí ngân sách nhà nước đảm bảo và kinh phí ngân sách trung ương hỗ trợ đóng các chế độ bảo hiểm theo quy định của pháp luật theo Mẫu số 05 Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

7. Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam có trách nhiệm ban hành mẫu biểu báo cáo quyết toán để thực hiện thống nhất trong hệ thống, đáp ứng yêu cầu quản lý và báo cáo các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Điều 12. Chế độ báo cáo về tình hình thực hiện thu, chi chế độ các quỹ bảo hiểm, chi tổ chức và hoạt động

1. Trong thời hạn 20 ngày đầu quý sau liền kề và 60 ngày đầu năm sau, Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân và tổ chức bảo hiểm thất nghiệp, tổ chức thuộc ngành Nội vụ thực hiện báo cáo định kỳ hằng quý, hằng năm về tình hình thu, chi các quỹ bảo hiểm và tình hình chi tổ chức và hoạt động theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 233/2025/NĐ-CP gửi Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

2. Bảo hiểm xã hội Việt Nam tổng hợp báo cáo của Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân và tổ chức bảo hiểm thất nghiệp, tổ chức thuộc ngành Nội vụ quy định tại khoản 1 Điều này, lập và gửi báo cáo định kỳ hằng quý, hằng năm chậm nhất là ngày 30 tháng đầu tiên của quý sau liền kề đối với báo cáo quý và chậm nhất là ngày 31 tháng 3 năm sau đối với báo cáo năm; riêng báo cáo quý IV được nộp cùng báo cáo năm.

3. Mẫu biểu báo cáo: Theo mẫu tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này. Trên cơ sở mẫu biểu quy định tại Phụ lục này, Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân cung cấp số liệu phù hợp với đặc thù hoạt động quân sự, bảo đảm thực hiện đúng quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước. Kỳ báo cáo bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 đối với kỳ báo cáo năm và bắt đầu từ ngày 01 tháng đầu quý đến ngày cuối của tháng cuối quý đó đối với kỳ báo cáo quý. Thời điểm chốt số liệu báo cáo thực hiện theo kỳ báo cáo.

4. Nơi nhận, hình thức và phương thức gửi báo cáo:

a) Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân và tổ chức bảo hiểm thất nghiệp, tổ chức thuộc ngành Nội vụ gửi báo cáo theo hình thức văn bản giấy và văn bản điện tử về Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

b) Bảo hiểm xã hội Việt Nam gửi báo cáo theo hình thức văn bản giấy và văn bản điện tử về Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Y tế.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Hiệu lực thi hành và điều khoản chuyển tiếp

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2025.

2. Thông tư số 20/2016/TT-BTC ngày 03 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện cơ chế quản lý tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và Thông tư số 24/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2016/TT-BTC hết hiệu lực kể từ khi Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Đối với các quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, quyết toán dự án hoàn thành và nhiệm vụ kế hoạch đã được phê duyệt theo quy định pháp luật trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được thực hiện theo các quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền. Khi thực hiện các bước

tiếp theo (bao gồm cả trường hợp điều chỉnh) phải áp dụng quy định về thẩm quyền tại Thông tư này.

4. Đối với việc mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ, vật tiêu hao (bao gồm tài sản, hàng hóa, dịch vụ công nghệ thông tin) đã phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định pháp luật trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được thực hiện theo kế hoạch đã được phê duyệt. Khi thực hiện các bước tiếp theo (bao gồm cả trường hợp điều chỉnh) phải thực hiện theo quy định của Thông tư này.

Điều 14. Trách nhiệm của Bảo hiểm xã hội Việt Nam

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Bộ Tài chính về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp; thực hiện đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền, thời hạn theo quy định của pháp luật đối với các nội dung được phân cấp.

2. Tự kiểm tra, đánh giá việc chấp hành pháp luật về mở, quản lý tài khoản, quản lý, sử dụng tài sản công, đầu tư xây dựng, đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin tại đơn vị mình đối với nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp theo quy định tại Nghị định số 233/2025/NĐ-CP và quy định tại Thông tư này.

3. Chủ trì, phối hợp với Cục Công nghệ thông tin và Chuyển đổi số đối với các nhiệm vụ mua sắm trang thiết bị công nghệ thông tin, thuê dịch vụ công nghệ thông tin, quyết định đầu tư dự án công nghệ thông tin và chuyển đổi số thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Tài chính, đảm bảo phù hợp, tuân thủ kiến trúc Chính phủ số và tuân thủ Khung kiến trúc Chính phủ số Bộ Tài chính.

4. Chủ trì, phối hợp Cục Quản lý công sản và Cục Kế hoạch - Tài chính đối với việc điều chuyển tài sản ra ngoài cơ quan bảo hiểm xã hội và chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công đối với cơ quan nhà nước và pháp luật có liên quan.

5. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan để tham mưu, báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ trưởng trong quản lý tài chính, tài sản, đầu tư xây dựng, đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin không được phân cấp tại Thông tư này.

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Các định chế tài chính, các cơ quan, đơn vị quy định tại Thông tư này và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này.

2. Trong thời hạn 03 tháng kể từ khi Thông tư có hiệu lực thi hành, Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân phải hoàn thành trách nhiệm theo quy định tại khoản 7 Điều 8 Thông tư này.

3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tương ứng tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

4. Trong quá trình thực hiện có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương & các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Hội đồng dân tộc, Ủy ban Văn hóa, xã hội của Quốc hội;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Website Chính phủ, Bộ Tài chính;
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ ĐCTC (50b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Đức Chi

Phụ lục I

**CÁC BIỂU MẪU QUYẾT TOÁN THU, CHI BẢO HIỂM XÃ HỘI,
BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP, BẢO HIỂM Y TẾ; CHI TỔ CHỨC VÀ
HOẠT ĐỘNG BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP,
BẢO HIỂM Y TẾ**

*(Kèm theo Thông tư số 116/2025/TT-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

Mẫu số 01	Báo cáo quyết toán tổng hợp các quỹ bảo hiểm của Bảo hiểm xã hội Việt Nam
Mẫu số 02	Báo cáo quyết toán quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp của Bảo hiểm xã hội Việt Nam
Mẫu số 03	Báo cáo quyết toán quỹ bảo hiểm y tế của Bảo hiểm xã hội Việt Nam
Mẫu số 04	Báo cáo quyết toán hoạt động đầu tư quỹ của Bảo hiểm xã hội Việt Nam
Mẫu số 05	Báo cáo tổng hợp các khoản kinh phí ngân sách nhà nước đảm bảo và kinh phí phí ngân sách trung ương hỗ trợ đóng các chế độ bảo hiểm của Bảo hiểm xã hội Việt Nam
Mẫu số 06	Báo cáo quyết toán chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế theo nội dung chi

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

Mẫu số 01

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN TỔNG HỢP
QUỸ BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP, BẢO HIỂM Y TẾ
Năm...

Đơn vị tính: Đồng

STT	TÊN QUỸ	DƯ NGUỒN ĐẾN 31/12/... (năm trước)	KẾ HOẠCH NĂM ...				THỰC HIỆN NĂM ...				DƯ NGUỒN ĐẾN 31/12/... (năm hiện hành)
			Tổng nguồn vốn phát sinh trong năm (1)		Tổng sử dụng nguồn vốn trong năm (2)	Chênh lệch nguồn trong năm	Tổng nguồn vốn phát sinh trong năm (1)		Tổng sử dụng nguồn vốn trong năm (2)	Chênh lệch nguồn trong năm	
			Tổng số	Trong đó: hỗ trợ từ NSNN			Tổng số	Trong đó: hỗ trợ từ NSNN			
A	B	1	2	3	4	5=2-4	6	7	8	9=6-8	10=1+6-8
	Tổng										
1	Quỹ bảo hiểm xã hội										
2	Quỹ bảo hiểm thất nghiệp										
3	Quỹ bảo hiểm y tế										

Ghi chú:

- (1) Bao gồm thu tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo chế độ quy định, thu lãi từ hoạt động đầu tư quỹ và các khoản thu khác (các khoản thu hồi theo quy định của pháp luật và theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền; kinh phí hoàn trả quỹ do đã hết nhiệm vụ chi; ...).
- (2) Bao gồm chi trả chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ và tên)

**KẾ TOÁN TRƯỞNG/
PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN**
(Ký, họ và tên)

Ngày ... tháng ... năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên, đóng dấu)

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN
QUỸ BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP
Năm.....

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Tổng cộng	Quỹ BHXH bắt buộc				Quỹ BHTN
				Cộng	Quỹ ốm đau, thai sản	Quỹ TNLĐ- BNN	Quỹ hưu trí, tử tuất	
A	B	C	01	02	03	04	05	06
1	Số dư quỹ năm trước chuyển sang	01						
2	Số phát sinh tăng quỹ trong năm	02						
2.1	Thu của các đối tượng	03						
2.2	Ghi thu	04						
2.3	Ngân sách trung ương hỗ trợ đóng	05						
2.4	Ngân sách địa phương hỗ trợ đóng	06						
2.5	Thu từ lãi đầu tư tài chính	07						
2.6	Thu từ lãi không kỳ hạn, lãi tiền gửi theo phương thức chuyên tiền tự động	08						
2.7	Thu tiền xử lý chậm đóng,	09						

	tròn đóng							
2.8	Điều chỉnh số thu, chi năm trước	10						
2.9	...	11						
3	Số phát sinh giảm quỹ trong năm	12						
3.1	Chi trả các chế độ theo quy định	13						
3.2	Ghi chi	14						
3.3	Chi phí quản lý	15						
3.4	...	16						
4	Số dư quỹ chuyển năm sau	17						

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

**KẾ TOÁN TRƯỞNG/
PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN**
(Ký, họ tên)

Ngày tháng ... năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký họ tên, đóng dấu)

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM**BÁO CÁO QUYẾT TOÁN QUỸ BẢO HIỂM Y TẾ**
*Năm.....**Đơn vị tính: Đồng*

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Quỹ BHYT			
			Tổng cộng	Quỹ khám chữa bệnh BHYT	Quỹ dự phòng KCB	...
A	B	C	01	02	03	04
1	Số dư quỹ năm trước chuyển sang	01				
2	Số phát sinh tăng quỹ trong năm	02				
2.1	Thu BHYT theo chế độ	03				
2.1.1	Thu của các đối tượng	04				
2.1.2	Ngân sách Trung ương hỗ trợ đóng	05				
2.1.3	Ngân sách địa phương hỗ trợ đóng	06				
2.1.4	Tổ chức BHXH đóng	07				
2.2	Thu từ lãi đầu tư tài chính	08				
2.3	Thu từ lãi không kỳ hạn, lãi tiền gửi theo phương thức chuyển tiền tự động	09				
2.4	Thu tiền xử lý chậm đóng, trốn đóng	10				
2.5	Bổ sung quỹ KCB BHYT	11				
2.6	Bổ sung quỹ dự phòng KCB	12				
2.7	Điều chỉnh số thu, chi năm trước	13				

2.8	...	14				
3	Số phát sinh giảm quỹ trong năm	16				
3.1	Chi KCB BHYT	17				
3.2	Chi phí quản lý BHYT	19				
3.3	Giảm quỹ dự phòng KCB BHYT	20				
3.4	Kết dư quỹ KCB BHYT bổ sung quỹ dự phòng KCB BHYT	21				
3.5	...	22				
4	Số dư quỹ chuyển năm sau	23				

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

**KẾ TOÁN TRƯỞNG/
PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN**
(Ký, họ tên)

Ngày tháng ... năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký họ tên, đóng dấu)

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ QUỸ
Năm.....

Bảng 1: BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ QUỸ*

Đơn vị tính: Đồng

TT	Danh mục/ Sản phẩm đầu tư	Mã số	Số dư đầu năm		Đầu tư trong năm	Thu hồi gốc trong năm	Bán nợ/ Xóa nợ gốc trong năm	Số dư cuối năm	
			Tổng số	Trong đó quá hạn				Tổng số	Trong đó quá hạn
A	B	C	01	02	03	04	05	06	07
I	Công cụ nợ của Chính phủ								
II	Trái phiếu chính quyền địa phương,								
III	Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh								
IV	Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại								
V	Trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi của các ngân hàng thương mại								
VI	Trái phiếu Chính phủ phát hành tại thị trường quốc tế								
VII	Các khoản đầu tư khác theo quy định của pháp luật (nếu có)								
	TỔNG								

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

Ngày..... tháng..... năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên, đóng dấu)

* Báo cáo lập đối với từng quỹ gồm: Quỹ ốm đau thai sản; Quỹ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; Quỹ hưu trí, tử tuất; Quỹ bảo hiểm thất nghiệp; Quỹ bảo hiểm y tế; Quỹ dự phòng rủi ro (theo quy định của pháp luật về đầu tư quỹ bảo hiểm xã hội).

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM**BÁO CÁO TỔNG HỢP****CÁC KHOẢN KINH PHÍ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐẢM BẢO VÀ KINH PHÍ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ
ĐÓNG CÁC CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM***Năm ...**Đơn vị tính: triệu đồng*

TT	Nội dung chi	THỰC HIỆN NĂM (NĂM QUYẾT TOÁN)			DỰ TOÁN ĐƯỢC GIAO NĂM		
		Số người hưởng chế độ bình quân năm... (người)	Số tiền thực chi	Mức chi bình quân một tháng	Số người hưởng chế độ bình quân năm... (người)	Dự toán phân bổ	Mức chi bình quân một tháng
A	B	1	2	3	4	5	6
1	Đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng:						
-	Lương hưu, mất sức lao động, trợ cấp Quyết định 91/QĐ-TTg						
-	Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, công nhân cao su						
-	Trợ cấp Quyết định 613/QĐ-TTg						
-	Người lao động không đủ điều kiện hưởng lương hưu và chưa đủ tuổi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội (Điều 23 Luật Bảo hiểm xã hội 2024)						
2	Lương hưu						
3	Trợ cấp công nhân cao su						
4	Trợ cấp mất sức lao động						

5	Trợ cấp Quyết định 91/QĐ-TTg					
6	Trợ cấp Quyết định 613/QĐ-TTg					
7	Trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp					
8	Trợ cấp người phục vụ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp					
9	Trợ cấp tuất hàng tháng					
10	Trợ cấp tuất một lần					
11	Trợ cấp mai táng					
12	Trợ cấp phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình					
13	Trợ cấp khu vực					
14	Phí giám định khả năng suy giảm khả năng lao động					
15	Trợ cấp theo Nghị định 14/2020/NĐ-CP					
16	Trợ cấp thai sản đối với người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện (Điều 94, Điều 95 Luật Bảo hiểm xã hội 2024)					
17	Chi phí chi trả					
18	Chi khác (nếu có)					
	Cộng:					

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

Ngày..... tháng..... năm...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên, đóng dấu)

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN
CHI TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP, BẢO HIỂM Y TẾ THEO NỘI DUNG CHI
Năm ...

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chi tiêu	Kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang	Dự toán được giao trong năm			Số thu khác trong năm	KP đã sử dụng đề nghị quyết toán	Kinh phí giảm, nộp trả các quỹ	Kinh phí còn dư chuyển năm sau
			Tổng cộng	Chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT	Chi phí chi trả lương hưu, trợ cấp nguồn NSNN				
A	B	I	2=3+4	3	4	5	6	7	8=I+2+5-6-7
	TỔNG								
1	Tuyên truyền, phổ biến, giải đáp, tư vấn chính sách, pháp luật về BHXH, BHTN, BHYT; tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về BHXH, BHTN, BHYT								
	<i>Trong đó:</i> Chi tuyên truyền, phổ biến, giải đáp, tư vấn chính sách, pháp luật về BHXH, BHTN, BHYT								
2	Chi cải cách hành chính, phát triển, quản lý người tham gia, người thụ hưởng, tổ chức thu, chi trả chế độ BHXH, BHTN, BHYT								
	<i>Trong đó:</i> Chi hỗ trợ UBND cấp xã								

	lập danh sách tham gia BHYT trên địa bàn								
3	Chi đầu tư, nâng cấp, cải tạo, mở rộng, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản, thuê, mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ								
3.1	Chi đầu tư phát triển								
3.2	Chi nâng cấp, cải tạo, mở rộng, bảo dưỡng, sửa chữa, thuê, mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ								
3.3	Chi ứng dụng công nghệ thông tin								
4	Chi hoạt động bộ máy của cơ quan BHXH các cấp và Hội đồng quản lý BHXH.								
	<i>Trong đó:</i> Chi nghiên cứu khoa học, chi đóng niên liễm, chi thực hiện tình giản biên chế, thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy theo chế độ do nhà nước quy định, chi hỗ trợ công tác điều động, luân chuyển biệt phái, chi thuê mướn, chi đào tạo, bồi dưỡng, chi phí liên quan đến hoạt động đầu tư, chi khác theo quy định của pháp luật								

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ và tên)

**KẾ TOÁN TRƯỞNG/
PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN**
(Ký, họ và tên)

Ngày ... tháng ... năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phụ lục II

**MẪU BIỂU BÁO CÁO ĐỊNH KỲ VỀ THU, CHI BẢO HIỂM XÃ HỘI,
BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP, BẢO HIỂM Y TẾ; CHI TỔ CHỨC VÀ
HOẠT ĐỘNG BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP,
BẢO HIỂM Y TẾ**

*(Kèm theo Thông tư số 116/2025/TT-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

Danh mục	Tên mẫu báo cáo	Đơn vị lập báo cáo
Mẫu số 01	Báo cáo tình hình thu, chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế	Các đơn vị trực thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân lập và gửi Bảo hiểm xã hội Việt Nam tổng hợp.
Mẫu số 02	Báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế	Các đơn vị trực thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân, các tổ chức bảo hiểm thất nghiệp, tổ chức thuộc ngành Nội vụ lập và gửi Bảo hiểm xã hội Việt Nam tổng hợp.
Mẫu số 03	Báo cáo tổng hợp chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế	Bảo hiểm xã hội Việt Nam
Mẫu số 04	Báo cáo tổng hợp chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế phân theo từng quỹ bảo hiểm	Bảo hiểm xã hội Việt Nam

Tên đơn vị:

BÁO CÁO**TÌNH HÌNH THU, CHI BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP,
BẢO HIỂM Y TẾ**

Kỳ báo cáo: Quý .../ Năm

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán được giao năm báo cáo	Thực hiện trong kỳ báo cáo		Lũy kế thực hiện trong năm	
			Thực hiện trong kỳ	So với dự toán được giao trong năm (%)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm	So với dự toán được giao trong năm (%)
I	TỔNG SỐ THU (1+2)					
1	Thu tiền đóng theo chế độ quy định					
	- Thu bảo hiểm xã hội					
	- Thu bảo hiểm y tế					
	- Thu bảo hiểm thất nghiệp					
2	Tiền sinh lời từ hoạt động đầu tư quỹ					
II	TỔNG SỐ CHI (1+2+3)					
1	Chi trả chế độ bảo hiểm xã hội					
	- Nguồn quỹ BHXH bảo đảm					
	- Nguồn NSNN bảo đảm					
2	Chi các chế độ bảo hiểm y tế					
3	Chi trả chế độ bảo hiểm thất nghiệp					

Tên đơn vị: ...

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH CHI TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM
THẤT NGHIỆP, BẢO HIỂM Y TẾ

Kỳ báo cáo: Năm ...

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung chi	Dự toán được giao	Ước thực hiện dự toán	Ước thực hiện so với dự toán giao (%)
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=2:1</i>
	Tổng số			
I	Tuyên truyền, phổ biến, giải đáp, tư vấn chính sách, pháp luật về BHXH, BHTN, BHYT; tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về BHXH, BHTN, BHYT			
	Trong đó: Chi tuyên truyền, phổ biến, giải đáp, tư vấn chính sách, pháp luật về BHXH, BHTN, BHYT			
II	Chi cải cách hành chính, phát triển, quản lý người tham gia, người thụ hưởng, tổ chức thu, chi trả chế độ BHXH, BHTN, BHYT			
	Trong đó: Chi hỗ trợ UBND cấp xã lập danh sách tham gia BHYT trên địa bàn			
III	Chi đầu tư, nâng cấp, cải tạo, mở rộng, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản, thuê, mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ			
1	Chi đầu tư phát triển			
2	Chi nâng cấp, cải tạo, mở rộng, bảo dưỡng, sửa chữa, thuê, mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ			
3	Chi ứng dụng công nghệ thông tin			
IV	Chi hoạt động bộ máy của cơ quan BHXH các cấp và Hội đồng quản lý BHXH.			
	Trong đó: Chi nghiên cứu khoa học, chi đóng niên liễm, chi thực hiện tinh giản biên chế, thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy theo chế độ do nhà nước quy định, chi hỗ trợ công tác điều động, luân chuyển biệt phái, chi thuê mướn, chi đào tạo, bồi dưỡng, chi phí liên quan đến hoạt động đầu tư, chi khác theo quy định của pháp luật			

Ghi chú: Riêng đối với Bộ Nội vụ báo cáo chi tiết số “*thực hiện trong năm báo cáo*” (cột số 3) theo 02 nội dung: Chi phí tổ chức và hoạt động BHTN và Chi phí tổ chức và hoạt động TNLĐ, BNN.

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

Đơn vị tính: Triệu đồng

[illegible]

II	Chi cải cách hành chính, phát triển, quản lý người tham gia, người thụ hưởng, tổ chức thu, chi trả chế độ BHXH, BHTN, BHYT									
	<i>Trong đó:</i> Chi hỗ trợ UBND cấp xã lập danh sách tham gia BHYT trên địa bàn									
III	Chi đầu tư, nâng cấp, cải tạo, mở rộng, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản, thuê, mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ									
1	Chi đầu tư phát triển									
2	Chi nâng cấp, cải tạo, mở rộng, bảo dưỡng, sửa chữa, thuê, mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ									
3	Chi ứng dụng công nghệ thông tin									
IV	Chi hoạt động bộ máy của cơ quan BHXH các cấp và Hội đồng quản lý BHXH.									
	<i>Trong đó:</i> Chi nghiên cứu khoa học, chi đóng niên liễm, chi thực hiện tính gián biên chế, thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy theo chế độ do nhà nước quy định, chi hỗ trợ công tác điều động, luân chuyển biệt phái, chi thuê mướn, chi đào tạo, bồi dưỡng, chi phí liên quan đến hoạt động đầu tư, chi khác theo quy định của pháp luật									

Số liệu tại Báo cáo tổng hợp bao gồm số liệu của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân, tổ chức thuộc Bộ Nội vụ.

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

BÁO CÁO TỔNG HỢP
TÌNH HÌNH CHI TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG BẢO HIỂM XÃ HỘI,
BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP, BẢO HIỂM Y TẾ
PHÂN THEO CÁC QUỸ BẢO HIỂM

Kỳ báo cáo: Năm ...

STT	Nội dung chi	Đơn vị	Dự toán được giao	Ước thực hiện dự toán	Ước thực hiện so với dự toán giao (%)
A	Chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT phân theo nguồn trích	Triệu đồng			
1	Chi phí tổ chức và hoạt động BHXH	Triệu đồng			
2	Chi phí tổ chức và hoạt động BHTN	Triệu đồng			
3	Chi phí tổ chức và hoạt động BHYT	Triệu đồng			
B	Mức chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT				
1	Mức chi tổ chức và hoạt động BHXH (trên thực tế thu, chi BHXH)	%			
2	Mức chi tổ chức và hoạt động BHTN (trên thực tế thu, chi BHTN)	%			
3	Mức chi tổ chức và hoạt động BHYT (trên thực tế thu BHYT)	%			